

Bản án số: 557/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H – sinh năm 1962

Địa chỉ: 207/66 đường P, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 001634, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/4/2023 của Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Cường, Thành phố Hồ Chí Minh): Bà Nguyễn Thị Sao M – sinh năm 2001.

Địa chỉ : Số 11 đường 25, phường C, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Hoàng Kim T – sinh năm 1967

Địa chỉ: 207/60 đường P, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/3/2023 của Nguyên đơn – bà Đỗ Thị H cùng trình bày của bà Nguyễn Thị Sao M là Người đại diện ủy quyền của Nguyên đơn

trong quá trình giải quyết vụ án thì: Bà H không có chồng, hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2019 bà T đã trả hết nợ gốc nên không còn giá trị. Ngày 01/02/2020, bà H cho bà T mượn 20.000 USD, bà H đưa trực tiếp 20.000 USD cho bà T sau đó hai bên mới ký vào hợp đồng vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi 1,3%, 20.000 USD đổi ra tiền Việt Nam là hơn 400 triệu, tiền lãi hàng tháng khoảng 6.100.000đ. Từ tháng 5/2020 đến nay bà T đã trả cho bà H 372.067.090đ trong đó 164.861.000đ qua chuyển khoản và 207.206.090đ tiền mặt nhưng bà T yêu cầu bà H phải quy đổi ra đồng đô la mỹ, cụ thể: Ngày 10/01/2023 trả 2.000 USD, ngày 11/01/2023 trả 1.000 USD, ngày 18/01/2023 trả 30.000.000đ và 200 USD, ngày 19/01/2023 trả 55.000.000đ, ngày 21/01/2023 trả 500 USD, ngày 31/01/2023 trả 500 USD và ngày 08/02/2023 trả 1.004 USD. Trong 372.067.090đ bà T đã trả thì 196.000.000đ là tiền lãi và 175.000.000đ tiền gốc, số nợ gốc hiện còn 289.000.000đ bà H yêu cầu bà T phải trả ngay, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn – bà Hoàng Kim T trình bày: Bà không có chồng, giữa bà và bà H không có bất kỳ việc vay mượn nào bằng tiền Việt Nam, hợp đồng vay tiền năm 2019 là không có thực, đó chỉ là bản thảo do bà H lập ra. Bà xác nhận có nhận 20.000 USD của bà H năm 2020, nhưng bà đã trả hết cho bà H, bà H đưa bản chính hợp đồng vay tiền có chữ ký, xác nhận đã nhận đủ 20.000 USD, bản chính này bà đã xé bỏ. Hợp đồng vay tiền bà H đang khởi kiện chỉ là bản thảo do bà H lập, bà xác nhận ngày 04/01/2023 có chuyển khoản cho bà H 20.000.000đ, ngày 05/01/2023 chuyển 30.000.000đ, số tài khoản của bà là 19007762682011 tại Ngân hàng kỹ thương. Số tiền nợ còn lại bà trả tiền mặt, trả lần cuối 1.004 USD tháng 2/2023, nên bà không chấp nhận yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Sao M là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Ngày 01/02/2020 bà H cho bà T mượn 20.000 USD, tương đương 464.440.000đ tiền Việt Nam, hai bên thỏa thuận lãi 1,3%/tháng. Từ ngày 18/5/2020 đến ngày 06/01/2023 bà T đã chuyển khoản trả bà H 164.861.000đ, từ ngày 10/01/2023 đến ngày 08/02/2023 bà T trả bà H 207.206.000đ, cụ thể như sau: Ngày 18/01/2023 trả 30.000.000đ, ngày 19/01/2023 trả 55.000.000đ, ngày 10/01/2023 trả 2.000 USD, ngày 11/01/2023 trả 1.000 USD, ngày 18/01/2023 trả 200 USD, ngày 21/01/2023 trả 500 USD, ngày 31/01/2023 trả 500 USD và ngày 08/02/2023 trả 1.004 USD. Tại đơn khởi kiện ngày 22/03/2023 bà H yêu cầu bà T trả 371.051.380đ, nay bà H xin rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả ngay 289.000.000đ.

Bị đơn – bà Hoàng Kim T trình bày: Ngày 01/02/2020 bà có vay của bà H 20.000 USD, không quy đổi ra tiền Việt Nam. Trong giấy nợ bà có ghi đã nhận đủ hai mươi ngàn đô la Mỹ, bà đã trả hết nợ cho bà H bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản nên bà H đưa lại giấy nợ cho bà, bà đã xé giấy nợ này, lần cuối cùng bà trả

tiền cho bà H là ngày 08/02/2023, trả 1.004 USD. Bà không còn nợ bà H nên bà không chấp nhận yêu cầu của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng thời hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử không chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Bị đơn do Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà M là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt; Bị đơn – bà T có mặt.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 289.000.000đ.

Căn cứ thừa nhận của đôi bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì ngày 01/02/2020 bà H có cho bà T mượn 20.000 USD, bà T đã nhận đủ 20.000 USD từ bà H, bà T cho rằng đã trả hết nợ cho bà H nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Căn cứ quy định về nghĩa vụ của bên cho vay tại Khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà H đã chứng minh được việc đã giao đầy đủ tiền (20 ngàn đô la Mỹ) cho bà T.

Căn cứ quy định tại Điều 22 Pháp lệnh số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định hạn chế sử dụng ngoại hối như sau: “Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các giao dịch với tổ chức tín dụng, các trường hợp thanh toán thông qua trung gian gồm thu hộ, uỷ thác, đại lý và các trường hợp cần thiết khác được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Căn cứ quy định trên thì giao dịch bằng đồng đô la Mỹ giữa bà H, bà T đã vi phạm điều cấm của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giao dịch giữa bà H, bà T là vô hiệu.

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015: “1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả”.

Căn cứ Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn số tài khoản 060040447981 của bà H tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bảng liệt kê giao dịch của bà H cung cấp cho Tòa án thể hiện từ ngày 18/5/2020 đến ngày 06/01/2023 bà T đã chuyển khoản cho bà H 164.861.000đ.

Căn cứ chứng cứ do bà H cung cấp và thừa nhận của bà H thì ngày 18/01/2023 bà H nhận của bà Tuyết 30.000.000đ tiền mặt, ngày 19/01/2023 nhận 55.000.000đ tiền mặt, ngày 10/01/2023 nhận 2.000 USD, ngày 11/01/2023 nhận 1.000 USD, ngày 18/01/2023 nhận 200 USD, ngày 21/01/2023 nhận 500 USD, ngày 31/01/2023 nhận 500 USD và ngày 08/02/2023 nhận 1.004 USD.

Tổng số tiền Việt Nam bà H đã nhận của bà Tuyết là: 164.861.000đ + 85.000.000đ = 249.861.000đ và 5.204 USD. Theo tỷ giá đồng đô la Mỹ của Ngân hàng ngày 29/9/2023 thì 1 USD = 24.160đ. Như vậy, số tiền đô la Mỹ bà T đã trả bà H là 15.546 USD, còn nợ lại 4.454 USD tương đương 107.608.640đ.

Từ căn cứ, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu của bà H, buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà Hưng 4.454 USD tương đương 107.608.640đ.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/03/2023 Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả 371.051.380đ, nay Nguyên đơn chỉ yêu cầu Bị đơn trả 289.000.000đ (số tiền rút lại là 82.051.380đ).

Xét thấy: Việc rút yêu cầu Bị đơn phải trả 82.051.380đ của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của Nguyên đơn.

[5] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 5.380.432đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; c Khoản 1 Điều 217; Khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 123; Khoản 1, Khoản 2 Điều 131; Khoản 1 Điều 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 22 của Pháp lệnh số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Đỗ Thị H.

1.1 Buộc bà Hoàng Kim T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị H 4.454 USD (Bốn ngàn bốn trăm năm mươi bốn đô la Mỹ) tương đương 107.608.640đ (Một trăm linh bảy triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) tiền Việt Nam.

1.2 Đình chỉ yêu cầu của bà Đỗ Thị H về việc yêu cầu bà Hoàng Kim T phải trả 82.051.380đ (Tám mươi hai triệu không trăm năm mươi một ngàn ba trăm tám mươi đồng).

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

5/ Kể từ ngày bà Đỗ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6/ Về án phí: Bà Đỗ Thị H được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Kim T phải chịu 5.380.432đ (Năm triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi hai đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

7/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

8/ Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị H, bà Hoàng Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

9/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương